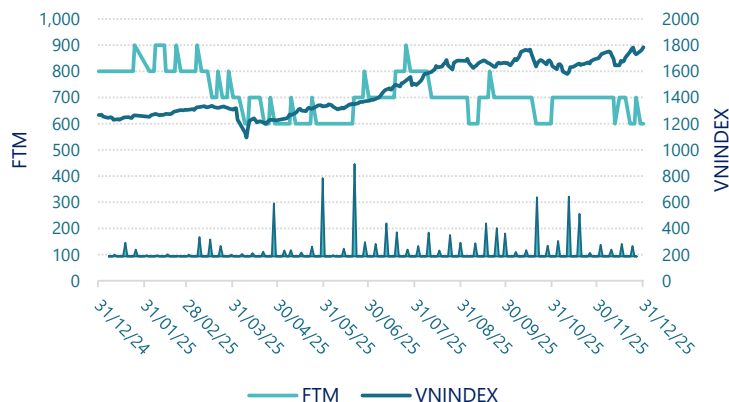


CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân (UPCOM: FTM)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	600
SL cổ phiếu LH	50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	20,015
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	30
P/E	-0.2
EPS	-3,295

DT thuần

Q4/25

53.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.80 | -3.3%

LN sau thuế

Q4/25

-45.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼10.7 | -30.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

-44.3%

+/- YoY: ▼ 16.3%

DT thuần

2025

197

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 14.0 | 7.9%

LN sau thuế

2025

-165

tỷ VNĐ

YoY: ▼38.0 | -29.4%

ROE

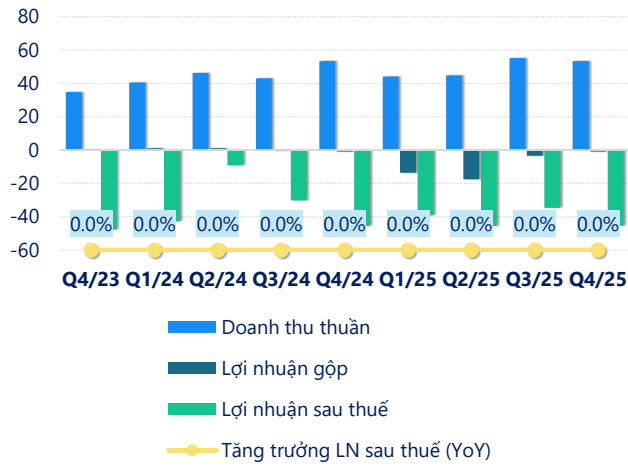
2025

18.1%

+/- YoY: ▲ 1.6%

tỷ VNĐ

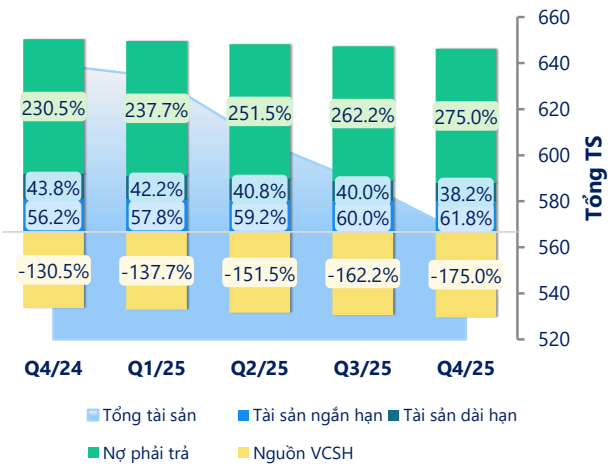
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

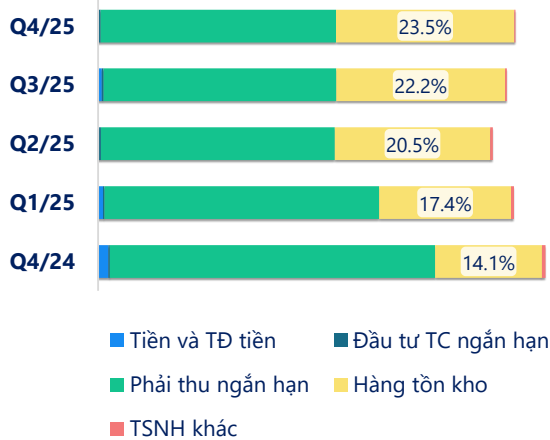
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



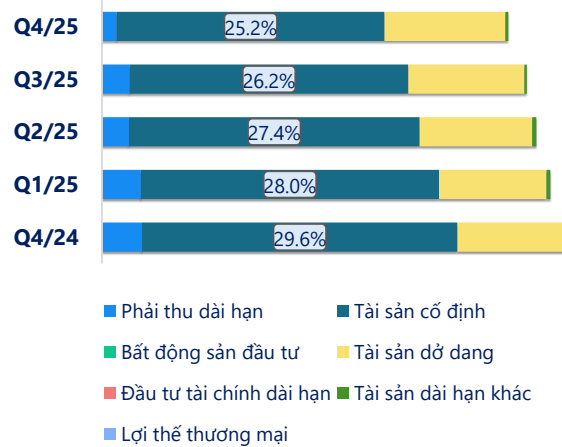
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

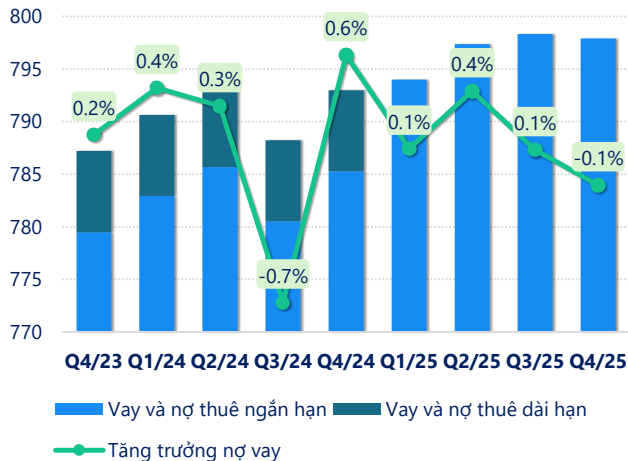
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

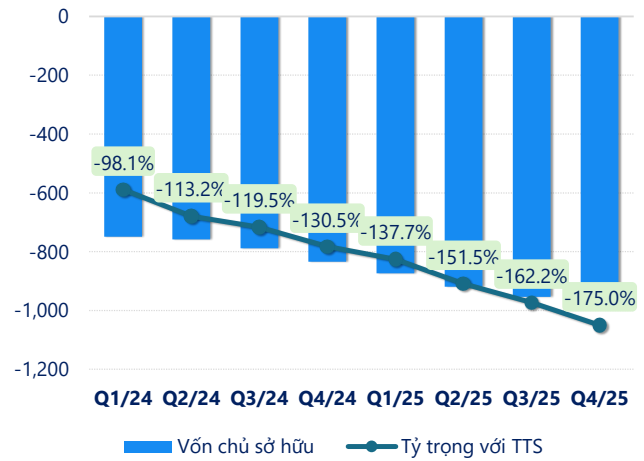
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

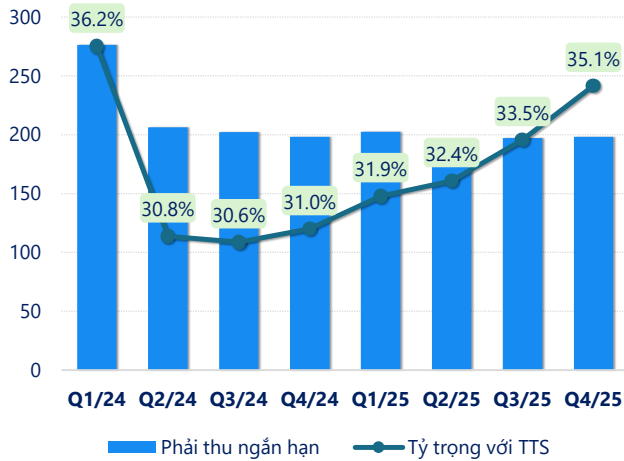
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



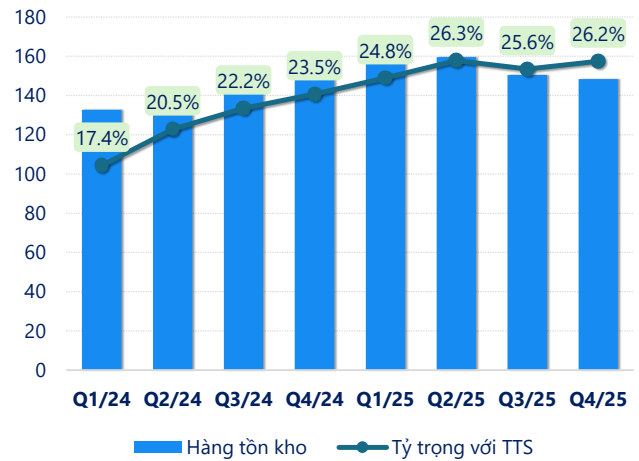
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


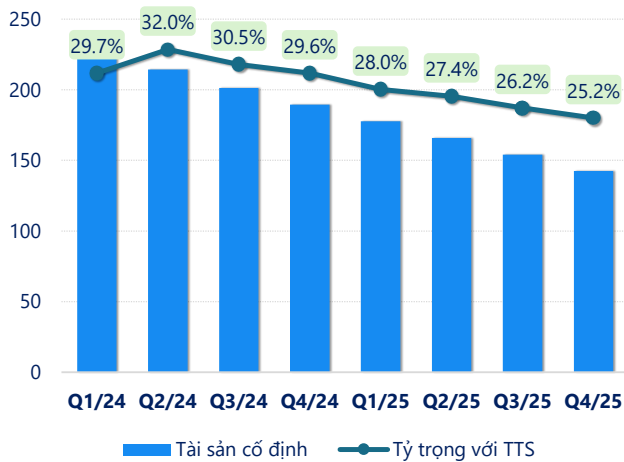
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


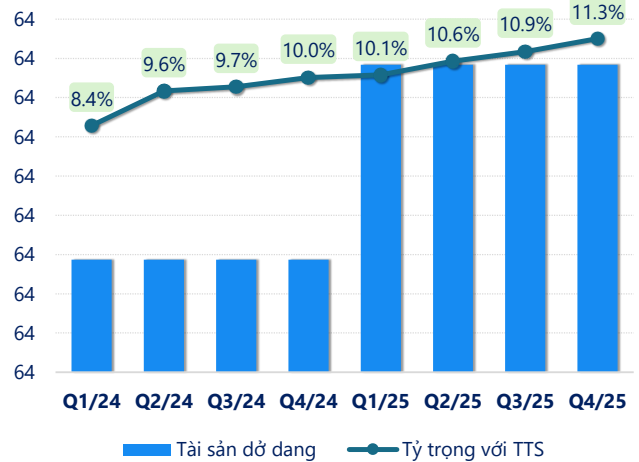
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

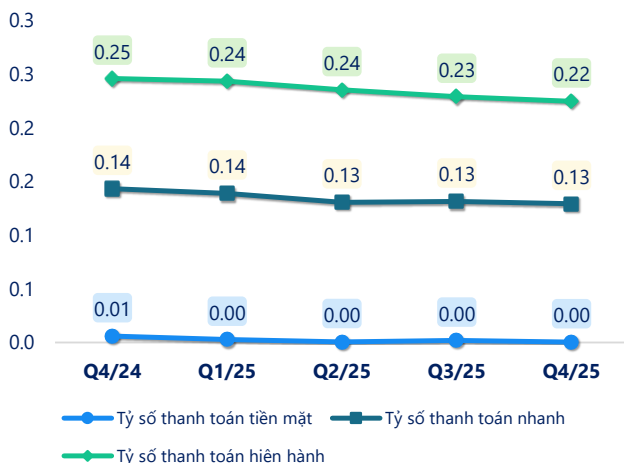
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

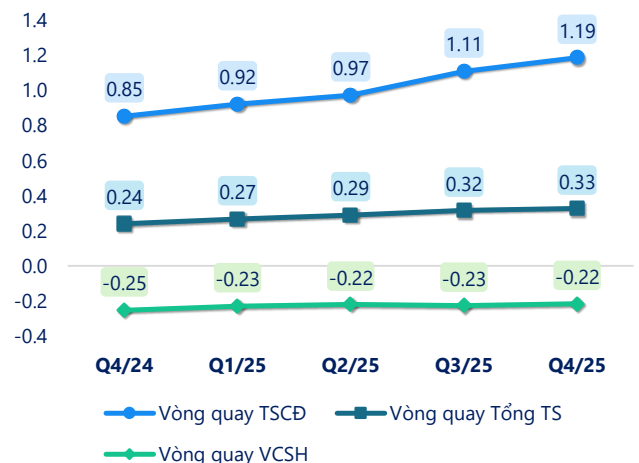
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	639	634	607	588	565
Tài sản ngắn hạn	359	367	359	353	349
Tiền và tương đương tiền	8.73	4.03	0.86	2.93	0.58
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.50	1.50	1.50	1.50	1.50
Phải thu ngắn hạn	198	202	196	197	198
Hàng tồn kho	150	157	160	150	148
Tài sản ngắn hạn khác	0.95	1.38	0.65	1.07	0.73
Tài sản dài hạn	280	267	248	235	216
Phải thu dài hạn	24.2	23.2	15.3	15.3	7.80
Tài sản cố định	190	178	166	154	142
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	64.0	64.1	64.1	64.1	64.1
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	2.26	2.28	2.37	1.42	1.62
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,474	1,507	1,525	1,542	1,555
Nợ ngắn hạn	1,461	1,507	1,525	1,542	1,555
Vay và nợ thuê ngắn hạn	785	794	797	798	798
Phải trả người bán ngắn hạn	49.0	53.3	51.2	51.8	51.0
Nợ dài hạn	12.2	0.52	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	7.70	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	-834	-873	-919	-954	-990
Vốn chủ sở hữu	-834	-873	-919	-954	-990
Vốn điều lệ	500	500	500	500	500
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)